TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 231/2024/DS - PT

Ngày: 24/7/2024

V/v: "Tranh chấp quyền sử dụng đất; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Công Thi**

Các Thẩm phán: Ông **Lê Tự**

Ông **Đặng Kim Nhân**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Đặng Ngọc Gia Linh**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Thanh**, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 363/2023/TLPT-DS ngày 25 tháng 12 năm 2023 về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 74/2023/DS -ST ngày 25/10/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1320/2024/QĐ-PT ngày 03 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1936; nơi cư trú: Khu phố A, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N*:* Ông Châu Đình S, sinh năm 1976; nơi cư trú: khu phố A, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2. Ông Châu Đình H, sinh năm 1965; nơi cư trú: Khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

3. Ông Châu Đình S, sinh năm 1976; nơi cư trú. Khu phố A, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

4. Ông Châu Đình T, sinh năm 1967; nơi cư trú: Khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

5. Ông Châu Đình N1, sinh năm 1972; nơi cư trú: Khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành K, nơi cư trú: D L, phường G, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Tấn H1 - Văn Phòng L2, thuộc Đoàn luật sư tỉnh P. Có mặt.

- ***Bị đơn:*** Hợp tác xã M1; địa chỉ: Khu phố A, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Ngọc T1, sinh năm 1973; nơi cư trú: Khu phố E, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Ủy ban nhân dân tỉnh P. Vắng mặt.

- ***Người kháng cáo:*** Nguyên đơn ông Châu Đình S, ông Châu Đình N1 và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Châu Đình H, Châu Đình T là ông Nguyễn Thành K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất trình bày:

Năm 1976 vợ chồng ông bà Châu Đình Đ (*đã chết*), bà Nguyễn Thị N mua thửa đất của vợ chồng ông ông Nguyễn L, bà Nguyễn C (*ông* L*, bà* C *đã chết*) theo giấy nhượng đất lập ngày 09/10/1976. Khi mua lập giấy chuyển nhượng còn có 02 người làm chứng là ông Châu Đình L1 và ông Huỳnh Đức T2. Vì thửa đất này nằm liền cư với thửa đất gia đình ông Đ có trước đó, nên vợ chồng ông Đ mua để mở rộng diện tích canh tác; giá chuyển nhượng là 150.000đ (*bạc của chế độ cũ*), chiều ngang 15m, chiều dài 41m, diện tích 615m^2, có giới cận: Đông giáp đường đi; Tây giáp đất ông Huỳnh Đức T2 và đất ông Huỳnh Đức T3; Nam giáp đất ông Châu C1; Bắc giáp đất vườn của ông Châu Đình Đ.

Năm 1985, ban Chủ nhiệm hợp tác xã M1 do người đại diện là ông Võ Tấn P có đề nghị với vợ chồng ông Đ đưa một phần diện tích mua này 150m^2 và một giếng nước góp vốn vào Hợp tác xã theo thỏa thuận ngày 03/07/1985, có ông Võ Tấn P - tổ trưởng, ông Huỳnh Đức Q - kế toán Hợp tác xã và ông Châu Đình Đ cùng ký tên.

Phần diện tích còn lại là 465m^2 gia đình ông Đ cho Hợp tác xã mượn (*Việc cho mượn đất chỉ thể hiện bằng miệng cứ không có giấy tờ*) làm bãi chứa gỗ. Đến cuối năm 1989 gia đình ông Đ có nhu cầu dùng đất, đòi lại thì HTX M1

không trả mà cho rằng Ủy ban nhân dân UBND huyện T (*cũ*) đã giao đất cho HTX.

Sau khi biết UBND huyện T lấy đất giao cho HTX thì vợ chồng ông Đ khiếu nại đến các cơ quan ban ngành nhưng không được giải quyết. Năm 2012 Ủy ban nhân dân tỉnh P đã lấy diện tích đất tranh chấp của nguyên đơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Hợp tác xã M1 chung trong thửa đất số 17, tờ bản đồ số 328A-4 có diện tích 1.180,1m^2.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu:

- Yêu cầu Tòa buộc HTX M1 tháo dỡ toàn bộ tài sản gắn liền với đất để trả lại phần diện tích đất tranh chấp 465m^2 (*có ký hiệu hình ABCDE - theo bảng vẽ mặt bằng hiện trạng nhà + đất lập ngày 06/9/2022*), thuộc thửa đất số 17, tờ bản đồ số 328A-4 trong diện tích đất 1.180,1m^2 tại khu phố C, phường P, tỉnh Phú Yên;

- Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND tỉnh P cấp cho HTX M1 ngày 24/08/2012, thuộc thửa đất số 17, tờ bản đồ số 328-A-4, diện tích 1.180,1m^2, tọa lạc tại khu phố C, nay là khu phố A, phường P, TP ., Phú Yên;

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND tỉnh P cấp cho HTX M1 ngày 28/11/2000.

Bị đơn, do người đại diện theo pháp luật của Hợp tác xã M1 ***trình bày:***

Hợp tác Mộc Phú S1 thành lập năm 1982, nguồn gốc đất của Hợp tác xã do ông Nguyễn S2 và ông Huỳnh N2 là xã viên góp vốn bằng diện tích đất 1.120m^2, Hợp tác xã mua thêm 80m^2, nên tổng diện tích 1.200m^2.

Năm 1985, Ủy ban nhân dân huyện T (*cũ*) lấy 1.200m^2 diện tích đất của Hợp tác xã để xây dựng trụ sở Huyện ủy T7 (*cũ*). Ủy ban nhân dân huyện T đã phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn P hoán đổi và cấp đất mới cho Hợp tác xã 1.400m^2.

Ngày 28/11/2000 UBND tỉnh P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Hợp tác xã diện tích đất là 1.400m^2, thời hạn 20 năm, nhưng năm 2002 Nhà nước mở tuyến tránh quốc lộ A đi qua đất của Hợp tác xã, nên diện tích đất còn lại là 1.180,1m^2.

Đến ngày 24/8/2012 UBND tỉnh P cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Hợp tác xã theo thửa đất số 17, tờ bản đồ số 328-A-4, địa chỉ khu phố C, phường P, thành phố T, Phú Yên, diện tích 1.180,1m^2, thời hạn sử dụng đất lâu dài.

Đối với nội dung nguyên đơn khởi kiện, Hợp tác xã có ý kiến như sau:

- Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND tỉnh cấp cho Hợp tác xã vì Hợp tác xã hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng pháp luật.

- Hợp tác xã M1 không chiếm dụng, không mượn đất của nguyên đơn. Yêu cầu của nguyên đơn đã được UBND thị trấn P, huyện T khiếu nại tại Quyết định 24/QĐ-UB, ngày 02/6/1999 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 128/QĐ, ngày 18/12/2002. Cả hai Quyết định giải quyết khiếu nại này đều không chấp nhận yêu cầu, vì không có căn cứ;

- Hợp tác xã M1 không đồng ý tháo dỡ toàn bộ tài sản gắn liền với đất vì HTX được UBND thành phố T cấp giấy phép xây dựng số 28/GPXD ngày 22/01/2007 hoạt động đúng quy định pháp luật;

- Đối với việc nguyên đơn yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND tỉnh P cấp ngày 28/11/2000 cho HTX. Theo ông T1 thì Giấy chứng nhận này UBND tỉnh P đã hủy để cấp mới lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho HTX ngày 24/8/2012.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ủy ban nhân dân tỉnh P không có văn bản trình bày ý kiến đối với nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

Những người làm chứng Nguyễn Văn H2**,** Huỳnh Thị T4**,** Trần Công N3 ***và*** Phạm Văn T5**,** Huỳnh Thị T6 ***trình bày***:

Các ông/bà H2, T4, N3, T5, T6 có văn bản trình bày biết sự việc vào năm 1985 Hợp tác xã Mộc Phú S1 có mượn đất của gia đình ông Châu Đình Đ để làm bãi chứa gỗ, nhưng chỉ nghe nói chứ không chứng kiến hoặc biết rõ nội dung mượn như thế nào, diện tích đất mượn là bao nhiêu, sau khi mượn thì có trả đất lại cho gia đình ông Đ hay không thì những người làm chứng không biết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận nhưng không thành.

Từ những nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 74/2023/DS-ST ngày 25/10/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên quyết định:

Áp dụng Điều 163 Bộ luật dân sự; Điều 166 Luật đất đai; Điều 147, Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại đơn khởi kiện đề ngày 24/9/2020 về việc đòi bị đơn phải trả lại quyền sử dụng đất diện tích 465m^2 thuộc thửa đất số 17, tờ bản đồ số 328-A-4, trong diện tích 1.180,1m^2 tại khu phố C, phường P, tỉnh Phú Yên*, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: cấp GCN: CT 01279, ngày 24/8/2012, vì không có căn cứ.*

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn Hợp tác xã M1 *tháo dỡ tài sản gắn liền với thửa đất số 17, tờ bản đồ số 328-A-*

4, diện tích 1.180,1m^2, tọa lạc tại khu phố C nay là khu phố A phường P, TP ., Phú Yên*, vì không có căn cứ.*

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Châu Đình S, ông Châu Đình N1, nguyên đơn, *(ông* S *đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà* Nguyễn Thị N*)* và ông Nguyễn Thành K *(người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn các ông* Châu Đình H*, ông* Châu Đình S*, ông* Châu Đình T *và ông* Châu Đình N1*)* có đơn kháng cáo đối với toàn bộ Bản án sơ thẩm. Lý do của việc kháng cáo, các nguyên đơn cho rằng Bản án sơ thẩm đã nhận định, đánh giá chứng cứ không đúng pháp luật, yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các nguyên đơn và người đại diện cho nguyên đơn giữ nguyên kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu:

- Về tố tụng: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng khác đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn và người đại diện cho nguyên đơn, căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến các bên đương sự, Kiểm sát viên, xem xét kháng cáo của các ông Châu Đình S, ông Châu Đình N1, nguyên đơn *(ông* S *đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà* Nguyễn Thị N*)* và ông Nguyễn Thành K *(người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn các ông* Châu Đình H*, ông* Châu Đình S*, ông* Châu Đình T *và ông* Châu Đình N1*),* Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

- Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền, thời hiệu giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 34, Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Kháng cáo của các nguyên đơn là hợp lệ, trong thời hạn luật định.

- Đây là phiên tòa phúc thẩm mở lần thứ hai, một số đương sự đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, do vậy, Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Các nguyên đơn khởi kiện cho rằng trước đây Hợp tác xã Mộc Phú S1 có mượn của họ một diện tích đất 465m^2 *(tại vị trí diện tích đất đã giao cho* Huyện ủy T7 *xây dựng trụ sở)*, sau đó, Ủy ban nhân dân huyện T phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn P hoán đổi và cấp lại cho HTX M1 diện tích đất 1.400m^2, tại thửa đất số 17, tờ bản đồ số 328-A-4, diện tích 1.180,1m^2 tại khu phố C, phường P, tỉnh Phú Yên, nay các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu HTX M1 trả lại phần diện tích đất 465m^2 nằm trong diện tích 1.180,1m^2 tại thửa đất số 17, tờ bản đồ số 328-A-4 tại khu phố C, phường P, tỉnh Phú Yên và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện T đã cấp cho HTX M1.

[2.2]. Xem xét về nguồn gốc đất, xét thấy: Các nguyên đơn trình bày cho rằng, vào năm 1976, vợ chồng ông Đ (*đã chết*), bà N có mua thửa đất của vợ chồng ông Nguyễn L, bà Nguyễn C, diện tích 615m^2, theo Giấy nhượng đất lập ngày 09/10/1976 là giấy viết tay, không có xác nhận của chính quyền, không có sơ đồ, vị trí thửa đất, ông L, bà C cũng không có các giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất, sau khi nhận chuyển nhượng, ông Đ cũng không đăng ký, kê khai gì đối với thửa đất nói trên, việc cho HTX M1 mượn đất cũng không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh.

[2.3]. Quá trình khởi kiện, phía nguyên đơn có cung cấp một số Quyết định hành chính của UBND thị trấn P, xét thấy, tại Quyết định giải quyết đơn khiếu nại số 24/QĐ-UB ngày 02/6/1999 và Quyết định giải quyết đơn khiếu nại số 128/QĐ-UB ngày 18/12/2002 của UBND thị trấn P về việc giải quyết đơn khiếu nại đối với ông Châu Đình Đ, nội dung các quyết định nêu trên đều không công nhận việc đòi lại đất liên quan HTX M1 sử dụng và yêu cầu được nhận tiền đền bù tài sản trên đất, *(bút lục 28 đến 36)*, ngoài ra, cùng thời điểm nêu trên, còn có các ông Châu Thanh M, ông Huỳnh Đức T2 cũng khiếu nại liên quan đến thửa đất này và cũng đều có Quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật, lẽ ra, Tòa án cấp sơ thẩm phải kiểm tra, xác minh, xác định lại các Quyết định hành chính nêu trên có hiệu lực pháp luật hay chưa, trường hợp đã có hiệu lực pháp luật thì không thụ lý vụ án hoặc đình chỉ vụ án trả lại đơn vì vụ việc đã có quyết định hành chính đã có hiệu lực pháp luật theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.4]. Đối với Hợp tác xã M1, ngày 05/5/1985 đã có "*Đơn xin đất để xây dựng cơ sở sản xuất* M", được Ủy ban nhân dân huyện T (*cũ*) giao đất, có lập sơ đồ bản vẽ kèm theo, ngày 28/11/2000, UBND tỉnh P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho HTX M1 với diện tích đất 1.400m^2, thời hạn sử dụng đất là 20 năm, nhưng năm 2002 Nhà nước mở tuyến tránh Quốc lộ A đi ngang qua diện tích đất của HTX, nên diện tích đất còn lại của HTX là 1.180,1m^2, đến ngày 24/8/2012, UBND tỉnh P cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho HTX M1 thửa đất số 17, tờ bản đồ số 328-A-4, địa chỉ khu phố C, phường P, thành phố T, Phú Yên, diện tích 1.180,1m^2, thời hạn sử dụng lâu dài. Như vậy, việc sử dụng đất của HTX M1 là hợp pháp, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do

UBND tỉnh P cấp ngày 24/08/2012 cho HTX M1 đối với thửa đất số 17, tờ bản đồ số 328A-4, diện tích 1.180,1m^2, tại khu phố C, nay là khu phố A, phường P, TP ., Phú Yên là đúng pháp luật.

Hơn nữa, quá trình thực hiện chính sách của Nhà nước về đất đai, thửa đất mà các nguyên đơn yêu cầu trả lại đã được giao cho Huyện ủy Tuy Hòa xây dựng trụ sở, thửa đất của HTX M1 sử dụng hiện nay không liên quan gì đến các nguyên đơn.

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy: Tại Bản án dân sự sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị N, ông Châu Đình H, ông Châu Đình S, ông Châu Đình T và ông Châu Đình N1 là đúng pháp luật. Việc kháng cáo ông Châu Đình S, ông Châu Đình N1, nguyên đơn *(ông* S *đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà* Nguyễn Thị N*)* và ông Nguyễn Thành K *(người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn các ông* Châu Đình H*, ông* Châu Đình S*, ông* Châu Đình T *và ông* Châu Đình N1*),* nhưng không cung cấp được chứng cứ, tài liệu gì để chứng minh cho nội dung kháng cáo của mình, do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm, như đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

[3]. Các quyết định khác về chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm không có kháng cáo, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên các nguyên đơn có kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Riêng bà Nguyễn Thị N là người cao tuổi, được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Châu Đình S, ông Châu Đình N1, nguyên đơn *(ông* S *đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà* Nguyễn Thị N*)* và ông Nguyễn Thành K *(người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn các ông* Châu Đình H*, ông* Châu Đình S*, ông* Châu Đình T *và ông* Châu Đình N1), giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 74/2023/DS-ST ngày 25/10/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

Áp dụng Điều 163 Bộ luật dân sự; Điều 166 Luật đất đai; Điều 147, Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự;

Xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại đơn khởi kiện đề ngày 24/9/2020 về việc đòi bị đơn phải trả lại quyền sử dụng đất diện tích 465m^2 thuộc thửa đất số 17, tờ bản đồ số 328-A-4, trong diện tích 1.180,1m^2 tại

khu phố C, phường P, tỉnh Phú Yên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: cấp GCN: CT 01279, ngày 24/8/2012.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn Hợp tác xã M1 tháo dỡ tài sản gắn liền với thửa đất số 17, tờ bản đồ số 328-A-4, diện tích 1.180,1m^2, tọa lạc tại khu phố C nay là khu phố A, phường P, TP ., Phú Yên.

3. Các quyết định khác về chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm không có kháng cáo, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí phúc thẩm: Áp dụng Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, các ông Châu Đình H, Châu Đình T, Châu Đình S và Châu Đình N1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp tại các Biên lai số 0013257; 0013258; 0013259; 0013260 ngày 04 và ngày 05/12/2023 của Cục thi hành án dân sự Phú Yên, bà Nguyễn Thị N được miễn án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Công Thi